

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày: 23/4/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lê Sỹ Vĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 20/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn T** – Sinh năm 1991. Nơi ĐKNKTT: Thôn 1, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Phạm Thị X; gia đình có 2 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ Nguyễn Thị Đ và có 3 con lớn sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2020 đến ngày 14/02/2020. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Văn B** – Sinh năm 1987. Nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; Gia đình có 6 anh, chị em, bị cáo là con thứ 5; vợ Hoàng Thị N và có 3 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**3. Trịnh Văn X** – Sinh năm 1983. Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; gia đình có 2 anh em, bị

cáo là con đầu; Vợ Lê Thị G và có 3 con lớn nhất sinh năm 2004 , nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2020 đến ngày 14/02/2020. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\*Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Anh Lê Công T, sinh năm: 1985.

Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2019 Trần Văn T thường xuyên chở lúa đến khu vực xưởng của Công ty TNHH A ở cùng thôn, Thở quan sát thấy trong xưởng có nhiều dây điện nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nhưng chưa thực hiện được.

Đến khoảng 21 giờ ngày 06/2/2020 T mang theo một chiếc cà lê bằng kim loại cỡ 0,8cm có một đầu tròn và một đầu vuông, trèo lên mái tôn của Công ty TNHH A dùng cà lê tháo ốc vít của mái tôn, chui vào nhà xưởng để lấy tài sản, T nhìn xung quanh nhưng không thấy dây điện nên đi ra ngoài theo lối cửa bên hông thì nhìn thấy tại máy chà nhám ngay gần cửa ra vào của xưởng có hai mô tơ điện, T về nhà lấy 01 cà lê bằng kim loại màu trắng nhãn hiệu YETI USA cỡ 17mm, một đầu tròn, một đầu vuông, 01 cà lê bằng kim loại màu trắng nhãn hiệu UTB USB cỡ 19mm, 01 đầu tròn, một đầu vuông, 01 chiếc kim màu đen, quay lại khu nhà xưởng tháo rời một mô tơ điện nhãn hiệu OCEAN, 15KW, 380V, 140kg và 01 mô tơ điện nhãn hiệu OCEAN; 11KW, 110kg ra khỏi máy chà nhám. T định đem về nhưng do hai mô tơ quá nặng nên không thể dịch chuyển được, T về nhà lấy xe mô tô BKS 36B3 - 023.16 của vợ là Nguyễn Thị Đ đi đến nhà Lê Văn B, T gọi điện cho B ra ngoài và nói “Em mới tháo được 2 mô tơ điện ở xưởng gỗ nhà A, mô tơ nặng quá em không ôm, bê được anh đi cùng với em”, thì được B đồng ý.

T đèo B về nhà T cất xe máy rồi T cầm theo một chiếc cuốc bằng kim loại màu đen có chiều dài 94cm, đường kính 0,3cm đã qua sử dụng quay lại nhà xưởng, B và T dùng cán cuốc khiêng ra ngoài đường bê tông, ngay bên cạnh nhà xưởng, Thở tiếp tục quay về nhà lấy xe máy và lắp thêm xe lôi ba gác (loại xe tự chế) khiêng hai mô tơ điện lên xe, dùng chăn bông trùm kín.

T chở B và kéo theo xe ba gác cùng hai mô tơ điện xuống lán trại nhà Trịnh Văn X ở thôn D, xã T, huyện Thiệu Hóa. Gặp X, T nói: Em lấy trộm được hai mô tơ điện ở xưởng gỗ gần nhà, anh cho em để lại đây thì được X đồng ý, T và B dùng gậy tre khiêng hai mô tơ vào lán, sau đó T và B ra về,

đến 16 giờ ngày 8/2/2020 Lê Văn B đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú; 18 giờ 30 phút ngày 8/2/2020 Trần Văn T đến Công an xã T đầu thú; 19 giờ 15 phút cùng ngày Trịnh Văn X đến Công an xã T, huyện Thiệu Hóa đầu thú và giao nộp 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh. Thu giữ tại lán nhà X 02 mô tơ điện.

Ngày 8/2/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn khám xét khẩn cấp nhà ở của Trần Văn T và Trịnh Văn X nhưng không thu giữ gì.

Ngày 09/2/2020, chị Nguyễn Thị Đ (vợ T) giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 36B3 - 02316; 01 chiếc cuốc bằng kim loại ; 01 chiếc kìm bằng kim loại; Lê Văn B giao nộp 01 xe tự chế. Tất cả đều đã qua sử dụng.

Ngày 9/2/2020 anh Lê Công T, giám đốc Công ty A giao nộp 3 cà lê bằng kim loại.

Ngày 11/2/2020, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Triệu Sơn có yêu cầu định giá số 14/CSĐT

Ngày 13/2/2020, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Triệu Sơn có bản kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 mô tơ điện nhãn hiệu OCEAN, 15KW, 380V, 140kg trị giá 13.500.000đ, 01 mô tơ điện nhãn hiệu OCEAN; 11KW, 110kg trị giá 9.900.000đ. Tổng giá trị tài sản định giá = 23.400.000đ.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu giải quyết về phần dân sự.

Vật chứng: Chuyển 01 xe mô tô BKS 36B3 - 023.16; 03 cò lê; 01 chiếc cuốc; 01 chiếc kìm; 02 điện thoại di động; 01 xe tự chế, 02 chăn bông và 01 đoạn gậy tre đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn bảo quản chờ xử lý.

Đối với chiếc cò lê bằng kim loại cỡ 0,8cm có một đầu tròn, một đầu vuông không rõ nhãn hiệu Thẻ dùng để mở mái tôn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã truy tìm nhưng không thấy.

\*Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố bị cáo Trần Văn T và Lê Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố Trịnh Văn X về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Văn T và Lê Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Trịnh Văn X phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

*Về hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i (B được áp dụng thêm điểm t) khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Trần Văn T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt đối với Lê Văn B từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, i khoản 1,2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với Trịnh Văn X từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

*Về dân sự:* Bị hại không có yêu cầu về phần dân sự nên không xem xét.

*Về vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

-Tịch thu tiêu hủy 03 cờ lê; 01 chiếc cuốc; 01 chiếc kìm; 01 xe tự chế, 02 chần bông và 01 đoạn dây tre.

- Trả lại 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Trần Văn T và Trịnh Văn X do không liên quan đến hành vi phạm tội

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da BKS 36B3 - 023.16 do chị Đ không biết T dùng xe để đi trộm cắp tài sản.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:*

Khoảng 22 giờ ngày 06/2/2020 Trần Văn T, Lê Văn B đã trộm cắp 02 mô tô điện trị giá 23.400.000đ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, sau đó đem đến lán trại của Trịnh Văn X cất giấu. mặc dù biết rõ đó là tài sản do trộm cắp mà có nhưng Trịnh Văn X vẫn đồng ý cho T và B cất giấu tài sản trộm cắp tại lán trại của mình.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trần Văn T, Lê Văn B, phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trịnh Văn X phạm tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

*[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Bị cáo Trần Văn T và Lê Văn B vì động cơ, mục đích tư lợi, lười lao động, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự công cộng.

Bị cáo Trịnh Văn X tuy không hứa hẹn trước nhưng đã chứa chấp tài sản mà biết rõ do T và B phạm tội mà có. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác

Hành vi của các bị cáo đồng thời gây mất trật tự trị an, gây bất bình, hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

*[4] Xét vai trò của các bị cáo*

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công vai trò một cách chặt chẽ, mỗi bị cáo có mức độ hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Trần Văn T là người khởi xướng, quan sát địa điểm, tài sản từ trước, một mình đột nhập vào nhà xưởng của Công ty TNHH A dùng cưa lê tháo rời 2 mô tơ nhưng do quá nặng không di chuyển ra ngoài được nên mới về gọi B ra giúp nên T chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

Lê Văn B sau khi được T rủ, vì háo lợi nên đã đồng ý cùng T đột nhập vào Công ty TNHH A di chuyển hai mô tơ ra ngoài và đem đi cất giấu nên B cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng ở vai trò sau T.

Trịnh Văn X mặc dù biết rõ tài sản T và B gửi là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cho B và T gửi ại tài sản ở lán trại của mình nên phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có

*[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo B sau khi phạm tội đã có công phối hợp với Cơ quan Điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của

chính quyền địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo. Do vậy áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và B cho các bị cáo được hưởng án treo và áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với X.

- Bị cáo T và B không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

*[6] Về dân sự:*

Công ty TNHH A đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[7] Vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 03 cờ lê; 01 chiếc cuốc; 01 chiếc kìm; 01 xe tự chế, 02 chần bông và 01 đoạn gậy tre. Là công cụ phạm tội

- Trả lại 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Trần Văn T và Trịnh Văn X do không liên quan đến hành vi phạm tội

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 36B3 - 023.16 do vợ bị cáo Trần Văn T (chị Nguyễn Thị Đ) đứng ra mua để lấy phương tiện đi lại cho cả gia đình. Chị Đ không biết T dùng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản.

Do là tài sản chung của cả gia đình, không xác định được theo phần nên trả lại cho chị Nguyễn Thị Đ là phù hợp.

*[8] Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:**

Trần Văn T và Lê Văn B, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Trịnh Văn X phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm s,i (B được áp dụng thêm điểm t) khoản 1,2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:**

**Trần Văn T: 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

**Lê Văn B: 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Trần Văn T và Lê Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 323; điểm s,i khoản 1,2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt: Trịnh Văn X : 15.000.000đ** sung quỹ Nhà nước.

\* **Vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 2 , 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 03 cờ lê; 01 chiếc cuốc; 01 chiếc kìm; 01 xe tự chế, 02 chăn bông và 01 đoạn gậy tre.

- Trả lại cho Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1203 màu đen. Trả lại cho Trịnh Văn X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da BKS 36B3 - 023.16

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 25/VC/2020 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh TH;
- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Lan**



